TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ YÊN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HS-ST
Ngày 08-01-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Anh Đức.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Lê Thị Bống
Ông Đinh Công Ó

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Khánh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Lường Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Sồng A C (tên gọi khác: không), sinh ngày 06 tháng 11 năm 1995 tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản HG, xã SB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Mông; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: không; con ông Sồng A L và bà Thào Thị G; có vợ là Vàng Thị N và 01 con, sinh năm 2013; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01 tháng 8 năm 2024 đến nay. Có mặt.

2. Sồng A V (tên gọi khác: không), sinh ngày 15 tháng 10 năm 1989 tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản HG, xã SB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Mông; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: không; con ông Sồng A T và bà Thào Thị D (đã chết); có vợ là Thào Thị N và 04 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01 tháng 8 năm 2024 đến nay. Có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Cộng đồng bản SH (nay là bản HG), xã SB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự: Anh Thào Vàng C, sinh năm 1984 – Chức vụ: Bí thư, Trưởng bản bản HG, xã SB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản HG, xã SB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Sồng A A, sinh năm 1987. Nơi cư trú: bản HG, xã SB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Anh Sồng A B, sinh năm 1980. Nơi cư trú: bản HG, xã SB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Anh Sồng A E, sinh năm 1980. Nơi cư trú: bản HG, xã SB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

4. Chị Hoàng Thị F, sinh năm 1977. Nơi cư trú: bản M, xã QH, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

5. Ông Sồng A H, sinh năm 1967. Nơi cư trú: bản HG, xã SB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

6. Anh Sồng A K, sinh năm 1987. Nơi cư trú: bản HG, xã SB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

7. Anh Sồng A C, sinh năm 1988. Nơi cư trú: bản HG, xã SB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

8. Anh Mùa A L, sinh năm 1997. Nơi cư trú: bản ST, xã SB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

9. Ông Sồng A M, sinh năm 1974. Nơi cư trú: bản HG, xã SB, huyện Phù Yên. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Sồng A P, sinh năm 1993. Nơi cư trú: bản HG, xã SB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người phiên dịch:* Anh Mùa A Sáy, sinh năm 1987. Nơi công tác: Uỷ ban nhân dân xã Kim Bon, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Căn cứ theo quy định của pháp luật về hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng, tiền dịch vụ môi trường rừng là tiền do nguồn ngân sách nhà nước từ huyện cấp về cho bản, đây là nguồn tiền chung của cộng đồng bản để sử dụng vào mục đích quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, nâng cao đời sống của người dân trong bản và các hoạt động chung của bản…

Từ năm 2017 đến năm 2024, các hộ dân thuộc bản SH (nay là bản HG), xã SB không nhận được tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng. Các cá nhân đã nhận và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng cụ thể như sau:

1. Sồng A A, trưởng bản SH từ năm 2004 đến hết năm 2013

Năm 2011, anh Sồng A A là Trưởng bản SH, được cộng đồng bản SH giao việc quản lý tiền dịch vụ môi trường rừng (sau đây viết tắt là DVMTR) của bản SH (còn việc đi nhận tiền không có quy định cụ thể giao cho ai, thông thường trưởng bản là người đi nhận tiền). Anh A đã thực hiện việc đi nhận, quản lý và sử dụng tiền DVMTR của bản đúng quy định. Đến tháng 9/2012, anh A đi học lớp Trung cấp lý luận tại huyện F Sơn, tỉnh Sơn La. Trước khi đi, không bàn giao việc quản lý quỹ tiền DVMTR cho ai khác. Cũng không ủy quyền cho ai khác đi nhận tiền DVMTR của bản SH.

2. Sồng A B, năm 2012 là Phó chủ tịch hội cựu chiến binh xã SB kiêm phó Bí thư chi bộ cụm bản SH – SC

Ngày 26/9/2012, đến thời điểm phát tiền DVMTR nhưng không ai ở bản SH đến nhận tiền. Chị Hoàng Thị F là cán bộ địa chính xã SB (được giao nhiệm vụ phát tiền DVMTR cho các bản của xã SB) đã gọi Sồng A B đến để ký nhận tiền DVMTR cho bản SH do chị F quen biết B. B không được giao nhiệm vụ, không được cộng đồng bản SH cử đi nhận tiền, không được anh Sồng A A ủy quyền nhưng do không thấy có ai của bản đi nhận nên B vẫn nhận tiền DVMTR là 10.002.597 đồng (tiền của cộng đồng bản SH là 9.485.597 đồng; tiền của 10 hộ dân trong bản là 517.000 đồng). Ngày 29/9/2012, B đã lập danh sách phát cho 10 hộ dân là chủ rừng số tiền 517.000 đồng. Còn lại số tiền 9.485.597 đồng của cộng đồng bản SH, B tiếp tục quản lý chờ anh Sồng A A đi học về sẽ bàn giao lại. Đến khoảng tháng 11/2012, chị Hoàng Thị F tiếp tục bảo Sồng A B đến nhận tiền DVMTR cho bản SH số tiền 13.966.009 đồng. Sau hai lần nhận tiền, Sồng A B cũng không thông báo lại cho Sồng A A và cộng đồng bản SH được biết về số tiền DVMTR đang giữ là 23.451.606 đồng.

Đến tháng 12/2012, B đã sử dụng số tiền trên để mua vật liệu xây dựng làm nhà riêng.

3. Sồng A C, trưởng bản SH, xã SB từ ngày 21/4/2014 đến ngày 09/02/2020

Ngày 21/4/2014, Sồng A C được bầu làm trưởng bản theo Quyết định số: 108/QĐ-UBND ngày 21/4/2014 của UBND xã SB, huyện Phù Yên thay cho anh Sồng A A.

Sồng A C đã nhiều lần nhận tiền DVMTR với tổng số tiền 127.770.000 đồng. Sau khi nhận tiền, C đã chi vào hoạt động chung của bản như hoạt động bảo vệ rừng, làm đường, sửa đường…hết số tiền 89.820.000 đồng.

Vào tháng 6/2019, C đã chiếm đoạt 7.220.000 đồng từ tiền DVMTR để trả tiền thuê anh Mùa A L lái máy xúc san nền nhà riêng của C. Số tiền DVMTR còn lại là 30.730.000 đồng, C đã bàn giao lại cho trưởng bản giai đoạn sau để chi trả tiền làm đường.

4. Sồng A V, trưởng bản SH, xã SB từ ngày 10/02/2020 đến ngày 18/10/2022

Ngày 13/10/2019, Sồng A C đi làm tại tỉnh Bình Dương nên C đã giao cho Sồng A V đi nhận tiền DVMTR cho cộng đồng bản SH. Sồng A V đã đến Chi nhánh phòng giao dịch quỹ bảo vệ và phát triển rừng huyện Phù Yên nhận số tiền 31.596.000 đồng từ nguồn tiền năm 2018 và trực tiếp quản lý số tiền trên.

Ngày 10/02/2020, Sồng A V được bầu làm trưởng bản SH, xã SB theo Quyết định số: 31/QĐ-UBND ngày 10/02/2020 của UBND xã SB, huyện Phù Yên thay cho Sồng A C. V tiếp tục được cộng đồng bản SH cử là người đại diện đi nhận các khoản tiền liên quan đến DVMTR của bản SH và trực tiếp quản lý số tiền của Khu A, bản SH (còn số tiền của Khu B, bản SH, sau khi nhận tiền về V sẽ bàn giao lại cho Sồng A Z - là Bí thư bản SH trực tiếp quản lý). Trong thời gian làm trưởng bản SH, xã SB, V đã nhiều lần đi nhận tiền DVMTR cho bản SH và trực tiếp quản lý số tiền của Khu A, bản SH với tổng số tiền: 89.271.600 đồng. Sau khi nhận tiền, V đã chi vào các hoạt động chung của bản SH (như làm đường, sửa đường, hoạt động bảo vệ rừng…) số tiền 58.010.000 đồng.

Vào khoảng giữa tháng 9/2022, V đã chiếm đoạt 13.300.000 đồng từ tiền DVMTR để trả tiền thuê anh Mùa A L lái máy xúc san nền nhà riêng của C. Số tiền DVMTR còn lại là 17.961.600 đồng, ngày 12/4/2024 V đã bàn giao lại cho bản để trả tiền làm đường. Ngoài ra, V đã khắc phục số tiền 6.539.000 đồng trong số tiền đã chiếm đoạt để trả cho bản tiền làm đường.

5. Sồng A Z, Bí thư chi bộ bản SH, xã SB từ ngày 13/3/2017 đến ngày 25/10/2022

Ngày 16/12/2018, Sồng A C (là trưởng bản SH giai đoạn này) đi làm thuê tại tỉnh Hưng Yên, đã giao cho Sồng A Z đi nhận tiền DVMTR cho cộng đồng bản SH. Z đã đến UBND xã SB nhận số tiền 29.895.000 đồng từ nguồn tiền năm 2018 và trực tiếp quản lý số tiền trên. Từ năm 2020 đến năm 2023, sau khi Sồng A V (là trưởng bản giai đoạn này) đi nhận tiền DVMTR của bản SH về đã bàn giao cho Z số tiền 27.000.000 đồng (là tiền của Khu B, bản SH). Như vậy, Z được trực tiếp quản lý số tiền 56.895.000 đồng. Z đã chi cho hoạt động chung của bản SH số tiền 37.040.000 đồng. Số tiền DVMTR còn lại là 19.855.000 đồng, Z khai đã chiếm đoạt để chi trả viện phí, sinh hoạt cho vợ Z là Mùa Thị Thanh để chữa bệnh. Ngày 10/6/2024, Sồng A Z chết do bệnh lý.

Ngày 23/4/2024, anh Sồng A M có đơn đề nghị Công an xã SB, huyện Phù Yên làm rõ trách nhiệm của các Trưởng bản SH qua các thời kỳ. Sau khi tiếp nhận

đơn đề nghị của anh M, Công an xã SB đã chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên để điều tra, làm rõ.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên đã làm rõ Sồng A B có hành vi Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 280 BLHS năm 1999, nay là khoản 1 Điều 355 BLHS 2015, tuy nhiên hành vi của B đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; Sồng A C, Sồng A V, Sồng A Z có hành vi tham ô tài sản, tuy nhiên Sồng A Z đã chết do bệnh lý.

Tại cơ quan điều tra, Sồng A V và Sồng A Z đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung vụ án đã nêu trên.

Ngày 11/9/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên đã ra quyết định trưng cầu giám định số 679 đối với chữ viết và chữ ký của Sồng A C và Sồng A V trong các tài liệu thu thập được.

Tại Bản kết luận giám định số: 1843/KL-KTHS ngày 16/09/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận:

1. Chữ ký, chữ viết mang tên "Sồng A C" dưới mục "Người ghi chép" tại mặt trước tờ số 2 trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết của Sồng A C trên mẫu so sánh ký hiệu M5 là do cùng một người ký, viết ra.

2. Chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 (trừ chữ viết có nội dung "Sồng A Xà" dưới mục "Đại diện mặt trận bản"; "Sồng A Phổng" dưới mục "Đại diện chi hội nông dân"; "Sồng A V" dưới mục "Đd bản đội trưởng kiên công an viên"; "Sồng A P" dưới mục "Đại diện đoàn thanh niêm"; "Sồng A Say, Sồng A C, Sầng A Phua, Sồng A Lâu" dưới mục "Đại diện hộ dân" tại mặt trước tờ số 2) so với chữ viết của Sồng A C trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3, M4 là do cùng một người viết ra.

3. Chữ ký, chữ viết mang tên "Sồng A V" dưới mục "Người chi" tại mặt trước tờ số 10, 11, 12, 13 trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Sồng A V trên mẫu so sánh ký hiệu M10 là do cùng một người ký, viết ra.

4. Chữ viết tại các tờ số 3, 10, 11, 12, 13 trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết của Sồng A V trên các mẫu so sánh ký hiệu M6, M7, M8, M9 là do cùng một người viết ra.

Nguyên đơn dân sự, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày nội dung vụ án như nêu trên, không có ý kiến, đề nghị các bị cáo phải bồi thường dân sự thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Cáo trạng số: 76/CT-VKS ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La truy tố các bị cáo Sồng A C, Sồng A V về tội Tham ô tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Sồng A C, Sồng A V phạm tội Tham ô tài sản và đề nghị áp dụng các căn cứ pháp luật xử phạt đối với các bị cáo như sau:

- Áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Sồng A C từ 30 tháng đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Xử phạt bị cáo Sồng A V từ 30 tháng đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Thời gian thử thách của các bị cáo tính ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận việc bị cáo Sồng A V đã nộp số tiến 6.539.000đ *(Sáu triệu, năm trăm ba mươi chín nghìn đồng)*; anh Sồng A K là anh trai của bị cáo Sồng A V đã nộp các khoản tiền 6.750.000đ *(Sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* và số tiền 12.000đ *(Mười hai nghìn đồng)*; ông Sồng A H là bố đẻ của bị cáo Sồng A C đã nộp khoản tiền 7.220.000đ *(Bảy triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng)*; anh Sồng A C là con trai của ông Sồng A Z đã nộp khoản tiền 19.855.000đ *(Mười chín triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng)*; anh Sồng A B đã nộp khoản tiền 23.460.000đ *(Hai mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng)* để tự nguyện bồi thường dân sự và khắc phục hậu quả.

Ghi nhận việc anh Sồng A K, bị cáo Sồng A V và anh Sồng A B không yêu cầu lấy lại số tiền 1000đ *(Một nghìn đồng)* là tiền do ông anh Sồng A K nộp hộ thừa cho bị cáo Sồng A V; 8.394đ *(Tám nghìn ba trăm chín mươi tư đồng)* là số tiền anh Sồng A B nộp thừa so với tổng số tiền phải khắc phục.

Ghi nhận việc anh Sồng A C không có yêu cầu ông Sồng A Z và gia đình phải hoàn trả số tiền đã khắc phục hậu quả mà anh đã nộp thay cho ông Z.

Ghi nhận việc Cộng đồng bản SH (nay là bản HG) không yêu cầu các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Sồng A B, Sồng A Z phải bồi thường dân sự thêm.

- Về vật chứng vụ án và biện pháp tư pháp:Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Trả lại cho Cộng đồng bản SH (nay là bản HG) được quyền quản lý, sử dụng số tiền 6.750.000 đồng; số tiền 12.000 đồng; số tiền 7.220.000 đồng; số tiền 19.855.000 đồng; số tiền 23.460.000 đồng; được đựng trong các phong bì niêm phong dán kín.

- Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo do các bị cáo thuộc hộ nghèo và là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai trong quá trình điều tra, không có ý kiến gì tranh luận với vị đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và gửi ý kiến đến Hội đồng xét xử. Xét thấy, hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai và việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo và trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa, các bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, các bị cáo không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án. Các bị cáo hoàn toàn nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên. Các bị cáo khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại

phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc các bị cáo đã thực hiện.

Xét lời khai của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên; Bản tự khai; Kết luận giám định chữ ký, chữ viết; Lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2024, các bị cáo Sồng A C, Sồng A V là các trưởng bản SH, xã SB, huyện Phù Yên đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao trong việc nhận và quản lý tiền chi trả DVMTR của bản SH (nay là bản HG), xã SB nhưng không chi trả đầy đủ cho tổ chức, cá nhân được hưởng theo quy định mà chiếm đoạt để chi tiêu cá nhân; Sồng A C đã chiếm đoạt số tiền 7.220.000đ *(Bảy triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng)*, Sồng A V đã chiếm đoạt số tiền 13.300.000đ *(Mười ba triệu, ba trăm nghìn đồng)*. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Tham ô tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự, quy định mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của tổ chức được pháp luật bảo vệ, gây mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân và Nhà nước. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc nhằm giáo dục các bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét về nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, bản thân không có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã chủ động tác động đến gia đình nộp lại toàn bộ tài sản đã chiếm đoạt, khắc phục toàn bộ hậu quả đã gây ra và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt của nguyên đơn dân sự. Bản thân các bị cáo trong quá trình công tác được tặng thưởng nhiều giấy khen và ông nội của các bị cáo được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy, cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Xét thấy các bị cáo phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, để các bị cáo có thể trở

thành người có ích cho gia đình và xã hội về sau, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

Đối với thời gian tạm giam của các bị cáo từ ngày 01/8/2024 đến ngày 08/01/2025, sẽ được khấu trừ khi bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[4] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa thấy rằng hiện nay, các bị cáo không có công việc và không có thu nhập ổn định, bản thân không có tài sản riêng có giá trị, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự.

- Đối với việc bị cáo Sồng A V đã tự nguyện nộp số tiến 6.539.000 đồng cho Cộng đồng bản SH trong quá trình điều tra vụ án để khắc phục hậu quả, xét là tự nguyện, đúng pháp luật do đó cần ghi nhận.

- Đối với việc anh Sồng A K là anh trai của bị cáo Sồng A V đã nộp các khoản tiền 6.750.000 đồng và số tiền 12.000 đồng; ông Sồng A H là bố của bị cáo Sồng A C đã nộp khoản tiền 7.220.000 đồng, quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa, xác định đây đều là khoản tiền hợp pháp của các bị cáo nhờ gia đình nộp tại cơ quan điều tra nhằm khắc phục hậu quả và bồi thường dân sự, do đó cần ghi nhận.

- Đối với việc anh Sồng A C là con của ông Sồng A Z đã nộp khoản tiền 19.855.000 đồng, quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa, xác định, ngày 10/6/2024 ông Z đã chết, do đó anh Sồng A C đã nộp số tiền trên tại cơ quan điều tra nhằm khắc phục hậu quả và bồi thường dân sự, xét là tự nguyện, cần ghi nhận.

- Đối với việc anh Sồng A B đã nộp khoản tiền 23.460.000 đồng tại cơ quan điều tra, quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa, xác định đây là khoản tiền mà anh B đã chiếm đoạt bất hợp pháp của cộng đồng bản SH, nay nộp lại đề khắc phục hậu quả và bồi thường dân sự. Xét là tự nguyện, đúng pháp luật, cần ghi nhận.

- Đối với số tiền chênh lệch khi nộp tiền khắc phục hậu quả, xác định 1.000 đồng là do anh Sồng A K nộp thừa cho bị cáo Sồng A V, 8.394 đồng là số tiền anh Sồng A B nộp thừa. Tại phiên tòa bị cáo Sồng A V, anh Sồng A K, anh Sồng A B đều thống nhất không yêu cầu lấy lại và nhất trí để cho cộng đồng bản HG được quyền quản lý, sử dụng. Xét là tự nguyện đúng pháp luật, do đó cần ghi nhận.

- Ghi nhận việc anh Sồng A C không có yêu cầu ông Sồng A Z và gia đình phải hoàn trả số tiền đã khắc phục hậu quả mà anh đã nộp thay cho ông Z.

[6] Về vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Đối với số tiền 6.750.000 đồng và số tiền 12.000 đồng do gia đình bị cáo Sồng A V giao nộp; số tiền 7.220.000 đồng do gia đình bị cáo Sồng A C giao nộp; số tiền 19.855.000 đồng do gia đình ông Sồng A Z giao nộp; số tiền 23.460.000 đồng do anh Sồng A B giao nộp. Xét đây là tiền các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tác động gia đình giao nộp để khắc phục hậu quả, cần trả lại cho Cộng đồng bản SH (nay là bản HG), xã SB được quyền quản lý, sử dụng.

[7] Đối với anh Sồng A A, quá trình điều tra không phát hiện vi phạm trong quá trình nhận và quản lý tiền DVMTR trong thời gian làm trưởng bản. Do đó, không đặt vấn đề xử lý.

Đối với anh Sồng A B, trong năm 2012 mặc dù không được giao nhiệm vụ, không được cộng đồng bản SH cử đi nhận tiền, không được anh Sồng A A (là trưởng bản giai đoạn này) ủy quyền nhưng B đã hai lần nhận tiền DVMTR và trực tiếp quản lý số tiền 23.451.606 đồng mà không thông báo cho anh A, cũng như không thông báo cho cộng đồng bản SH biết. Đến tháng 12/2012, trong quá trình làm nhà B đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền 23.451.606 đồng tiền DVMTR của cộng đồng bản SH mà mình đã đi nhận và quản lý để chi tiêu cá nhân. Hành vi của Sồng A B là vượt quá chức trách, nhiệm vụ được giao. Có dấu hiệu phạm vào tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 280 Bộ luật Hình sự năm 1999, nay là khoản 1 Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, hành vi của B xảy ra từ tháng 11/2012 đến tháng 10/2024 mới bị phát hiện. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 27 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì hành vi của B đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, không đặt vấn đề xử lý đối với Sồng A B.

Đối với anh Sồng A Z, quá trình điều tra xác định Sồng A Z đã thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền DVMTR của Cộng đồng bản SH là 19.855.000 đồng mà Z được giao quản lý. Hành vi của Z có dấu hiệu phạm vào tội Tham ô tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, ngày 10/6/2024, Sồng A Z đã chết do bệnh lý. Do đó, không đặt vấn đề xử lý.

Đối với anh Sồng A E và anh Thào Vàng C, quá trình điều tra không phát hiện vi phạm trong quá trình nhận và quản lý tiền DVMTR của cộng đồng bản SH trong thời gian làm trưởng bản. Do đó, không đặt vấn đề xử lý.

Đối với chị Hoàng Thị F, trong năm 2012, chị F được giao nhiệm vụ phát tiền DVMTR cho các bản của xã SB. Do thấy bản SH không có ai đến nhận tiền và biết Sồng A B nên chị F đã 02 lần phát tiền cho B với tổng số tiền 23.968.606 đồng. Tại thời điểm đó không có quy định cụ thể ai là người đại diện cộng đồng bản đi nhận tiền. Việc Sồng A B chiếm đoạt số tiền 23.451.606 đồng trong tổng

số tiền 23.968.606 đồng đã nhận chị F hoàn toàn không biết, không liên quan. Do đó, không đặt vấn đề xử lý.

[8] Các bị cáo thuộc hộ nghèo và là người dân tộc thiểu số cư trú tại xã khu vực III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số: 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính Phủ, được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Các bị cáo; nguyên đơn dân sự, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trả tự do cho các bị cáo ngay tại phiên tòa, nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Sồng A C, Sồng A V phạm tội Tham ô tài sản.

Xử phạt bị cáo Sồng A C 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/01/2025).

Xử phạt bị cáo Sồng A V 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/01/2025).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Áp dụng khoản 4 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên bố trả tự do cho các bị cáo ngay tại phiên tòa, nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã SB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã SB, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La trong việc giám sát và giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận việc bị cáo Sồng A V đã nộp số tiến 6.539.000đ *(Sáu triệu, năm trăm ba mươi chín nghìn đồng)*; anh Sồng A K là anh trai của bị cáo Sồng A V đã nộp các khoản tiền 6.750.000đ *(Sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* và số tiền 12.000đ *(Mười hai nghìn đồng)*; ông Sồng A H là bố đẻ của bị cáo Sồng A C đã nộp khoản tiền 7.220.000đ *(Bảy triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng)*; anh Sồng A C là con trai của ông Sồng A Z đã nộp khoản tiền 19.855.000đ *(Mười chín triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng)*; anh Sồng A B đã nộp khoản tiền 23.460.000đ *(Hai mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng)* để tự nguyện bồi thường dân sự và khắc phục hậu quả.

Ghi nhận việc anh Sồng A K, bị cáo Sồng A V và anh Sồng A B không yêu cầu lấy lại số tiền 1000đ *(Một nghìn đồng)* là tiền do ông anh Sồng A K nộp hộ thừa cho bị cáo Sồng A V; 8.394đ *(Tám nghìn ba trăm chín mươi tư đồng)* là số tiền anh Sồng A B nộp thừa so với tổng số tiền phải khắc phục.

Ghi nhận việc anh Sồng A C không có yêu cầu ông Sồng A Z và gia đình phải hoàn trả số tiền đã khắc phục hậu quả mà anh đã nộp thay cho ông Z.

Ghi nhận việc Cộng đồng bản SH (nay là bản HG) không yêu cầu các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Sồng A B, Sồng A Z phải bồi thường dân sự thêm.

3. Về vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Trả lại cho Cộng đồng bản SH (nay là bản HG), xã SB, huyện Phù Yên được quyền quản lý, sử dụng số tiền 6.750.000đ *(Sáu triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* và số tiền 12.000đ *(Mười hai nghìn đồng)* do gia đình Sồng A V giao nộp; số tiền 7.220.000đ *(Bảy triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng)* do gia đình Sồng A C giao nộp; số tiền 19.855.000đ *(Mười chín triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng)* do gia đình ông Sồng A Z giao nộp; số tiền 23.460.000đ *(Hai mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng)* do anh Sồng A B giao nộp; được đựng trong các phong bì niêm phong dán kín.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập hồi 10 giờ 00 phút, ngày 28/11/2024 giữa Công an huyện Phù Yên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên).

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Sồng A C và Sồng A V.

5. Về quyền kháng cáo: các bị cáo; nguyên đơn dân sự, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 08/01/2025). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên;
- CQĐT - CA huyện Phù Yên;
- CQ hồ sơ nghiệp vụ - CA huyện Phù Yên;
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Sơn La;
- Cơ quan THAHS;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người ĐDTPL của NĐDS;
- Người có QL,NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Anh Đức